

Biểu số:

005tn.N/BCB-LDTBXH

Ban hành kèm theo Thông tư số
//2020/TT-BNV ngày _/_/2020

Ngày nhận báo cáo:

Báo cáo năm: Ngày 31 tháng 3
năm sau

SỐ THANH NIÊN HỌC NGHỀ

Năm...

Đơn vị báo cáo:

Bộ Lao động -
Thương binh và Xã
hội

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Nội vụ

Đơn vị tính: Người

	Mã số	Số thanh niên học nghề
A	B	1
Tổng số	01	
1. Chia theo giới tính		
Nam	02	
Nữ	03	
2. Chia theo nhóm tuổi		
Từ đủ 16 tuổi đến 17 tuổi	04	
Từ đủ 18 tuổi đến 21 tuổi	05	
Từ đủ 22 tuổi đến 25 tuổi	06	
Từ đủ 26 tuổi đến 30 tuổi	07	
3. Chia theo dân tộc		
Kinh	08	
Khác	09	
4. Chia theo trình độ học vấn		
Chưa đi học	10	
Chưa tốt nghiệp tiểu học	11	
Tốt nghiệp tiểu học	12	
Tốt nghiệp trung học cơ sở	13	
Tốt nghiệp trung học phổ thông	14	
5. Chia theo trình độ đào tạo nghề		

Dưới 3 tháng	15	
Sơ cấp	16	
Trung cấp	17	
Cao đẳng	18	
6. Chia theo loại hình cơ sở		
Trường Cao đẳng nghề	19	
Trường Trung cấp nghề	20	
Trung tâm dạy nghề	21	
Cơ sở khác có dạy nghề	22	
7. Chia theo cấp quản lý		
.....	...	
8. Chia theo nhóm ngành, nghề		
.....	...	
9. Chia theo tỉnh/thành phố		
(Ghi theo Danh mục đơn vị hành chính)	...	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 005tn.N/BCB-LĐTBXH: Số thanh niên học nghề

1. Khái niệm, phương pháp tính

Thanh niên học nghề được hiểu là những thanh niên đang có tên trong danh sách và đang theo học ở cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Công thức tính:

$$\begin{array}{ccccccc}
 \text{Số thanh} & & \text{Số thanh} & & \text{Số thanh} & & \text{Số thanh} \\
 \text{niên học} & & \text{niên học} & & \text{niên học} & & \text{niên} \\
 \text{nghề có mặt} & = & \text{nghề có} & + & \text{nghề tuyển} & - & \text{học nghề tốt} \\
 \text{cuối năm} & & \text{mặt đầu} & & \text{mới trong} & & \text{bỏ học nghề} \\
 \text{báo cáo} & & \text{năm báo} & & \text{năm báo cáo} & & \text{trong năm báo} \\
 & & \text{cáo} & & & & \text{cáo}
 \end{array}$$

Thanh niên tốt nghiệp nghề là những thanh niên đã học hết chương trình, đã dự thi tốt nghiệp và được cấp văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp.

Thanh niên học nghề được phân theo trình độ đào tạo nghề gồm cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và học nghề dưới 3 tháng.

- Cao đẳng có thời gian đào tạo theo niên chế được thực hiện từ 2 đến 3 năm học tùy theo chuyên ngành hoặc nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; từ 1 đến 2 năm học tùy theo chuyên ngành hoặc nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành, nghề đào tạo và có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông.

Thời gian đào tạo trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ là thời gian tích lũy đủ số lượng mô-đun hoặc tín chỉ cho từng chương trình đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông

- Trung cấp có thời gian đào tạo theo niên chế đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên là từ 1 đến 2 năm học tùy theo chuyên ngành hoặc nghề đào tạo.

- Sơ cấp có thời gian đào tạo từ 03 tháng đến dưới 01 năm học nhưng phải bảo đảm thời gian thực học tối thiểu là 300 giờ học đối với người có trình độ học vấn phù hợp với nghề cần học.

- Học nghề dưới 03 tháng được thực hiện linh hoạt về thời gian, địa điểm, phương pháp đào tạo để phù hợp với yêu cầu của người học nghề, nhằm tạo điều kiện cho người lao động tiếp thu được kỹ năng, nghề thích ứng với nhu cầu công việc hiện tại, được cấp giấy chứng nhận.

Đào tạo lại, đào tạo nâng cao đối với những người đi bỏ túc thêm hoặc nâng cao tay nghề đều xác định là có thời gian đào tạo ngắn hạn.

2. Cách ghi biểu

Cột 1: Ghi tổng số thanh niên học nghề.

3. Nguồn số liệu

- Khai thác từ cơ sở dữ liệu quốc gia về Dạy nghề.
- Báo cáo thống kê cơ sở về dạy nghề trên địa bàn